

Chi tiết câu hỏi và đáp án

Question 1-6

Read the following piece of news and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 6. Hanoi police have uncovered a network selling fake Lavie water bottles filled with tap water. Investigators said the bottles were made using plastic bought from unverified sources, (1) _____ concerns about hygiene and safety. (2) _____ households across the city had purchased the products, believing they were genuine. Officers reported that the suspects managed to collect used bottles, refill them with ordinary water, and reseal them with fake labels. The water, (3) _____ from a nearby tap, was bottled in a rented house disguised as a warehouse. Drivers were later hired to distribute the goods (4) _____ small stores and vending stalls throughout Hanoi. Authorities said the group (5) _____ it for months because the bottles closely resembled real Lavie products. When police raided the site, they confiscated around 20,000 bottles and detained several people. Tests are underway to (6) _____ any potential health risks.

DỊCH BÀI

DỊCH BÀI	
Hanoi police have uncovered a network selling fake Lavie water bottles filled with tap water. Investigators said the bottles were made using plastic bought from unverified sources, raising concerns about hygiene and safety. Many households across the city had purchased the products, believing they were genuine. Officers reported that the suspects managed to collect used bottles, refill them with ordinary water, and reseal them with fake labels. The water, taken from a nearby tap, was bottled in a rented house disguised as a warehouse. Drivers were later hired to distribute the goods to small stores and vending stalls throughout Hanoi.	Công an Hà Nội vừa phát hiện đường dây bán nước đóng chai Lavie giả chứa nước máy. Các nhà điều tra cho biết những cái chai này được làm từ nhựa không rõ nguồn gốc, gây ra mối lo ngại về vệ sinh và an toàn. Nhiều hộ gia đình trên địa bàn thành phố đã mua sản phẩm, tin rằng đó là hàng thật. Cảnh sát báo cáo rằng các nghi phạm đã tìm cách thu thập các chai đã qua sử dụng, đổ đầy nước thông thường vào chúng và dán lại nhãn giả cho chúng. Nước, được lấy từ vòi gần đó, được đóng chai trong một ngôi nhà thuê được ngụy trang thành một nhà kho. Các tài xế sau đó được thuê để phân phối hàng hóa đến các cửa hàng nhỏ và các quầy bán hàng khắp Hà Nội.
Authorities said the group got away with it for months because the bottles closely resembled real Lavie products. When police raided the site, they confiscated around 20,000 bottles and detained several people. Tests are underway to assess any potential health risks.	Nhà chức trách cho biết nhóm này đã thoát tội trong nhiều tháng vì những chai này trông giống sản phẩm Lavie thật. Khi cảnh sát đột kích địa điểm này, họ đã tịch thu khoảng 20.000 chai nước và bắt giữ một số người. Các thử nghiệm đang được tiến hành để đánh giá bất kỳ rủi ro sức khỏe tiềm ẩn nào.

Câu 1

A. pouring

B. filing

✓ C. raising

D. pushing

→ Chọn đáp án đúng: C. raising

Kiến thức: Cụm từ cố định (Collocations)

- raise concerns about something: gây ra mối lo ngại về cái gì

Tạm dịch:

Investigators said the bottles were made using plastic bought from unverified sources, raising concerns about hygiene and safety. (Các nhà điều tra cho biết những cái chai này được làm từ nhựa không rõ nguồn gốc, gây ra mối lo ngại về vệ sinh và an toàn.)

→ Chọn đáp án C

Câu 2

A. Each

✓ **B. Many**

C. Another

D. The others

→ **Chọn đáp án đúng: B. Many**

Kiến thức: Lượng từ

A. Each + N (đếm được số ít): mỗi

B. Many + N (đếm được số nhiều): nhiều

C. Another + N (đếm được số ít): một người/cái khác

D. The others: những người/cái còn lại

- Ta có 'households' là danh từ đếm được số nhiều nên ta chọn 'Many'.

Tạm dịch:

Many households across the city had purchased the products, believing they were genuine. (Nhiều hộ gia đình trên địa bàn thành phố đã mua sản phẩm, tin rằng đó là hàng thật.)

→ **Chọn đáp án B**

Câu 3

A. is taken

✓ **B. taken**

C. is taking

D. taking

→ **Chọn đáp án đúng: B. taken**

Kiến thức: Rút gọn mệnh đề quan hệ

- Ta thấy câu đã có chủ ngữ chính 'The water' và động từ chính 'was bottled' nên ta có thể dùng mệnh đề quan hệ hoặc mệnh đề quan hệ rút gọn để bỏ nghĩa cho 'The water'.

- Để rút gọn mệnh đề quan hệ dạng bị động, ta lược bỏ đại từ quan hệ và to be (nếu có), giữ nguyên quá khứ phân từ (V3/ed) (which was taken/which had been taken → taken).

Tạm dịch:

The water, taken from a nearby tap, was bottled in a rented house disguised as a warehouse. (Nước, được lấy từ vòi gần đó, được đóng chai trong một ngôi nhà thuê được ngụy trang thành một nhà kho.)

→ **Chọn đáp án B**

Câu 4

A. from

B. at

C. of

✓ **D. to**

→ **Chọn đáp án đúng: D. to**

Kiến thức: Giới từ

- distribute something to something: phân phối cái gì đến cái gì

Tạm dịch:

Drivers were later hired to distribute the goods to small stores and vending stalls throughout Hanoi. (Các tài xế sau đó được thuê để phân phối hàng hóa đến các cửa hàng nhỏ và các quầy bán hàng khắp Hà Nội.)

→ **Chọn đáp án D**

Câu 5

A. put up with

✓ **B. got away with**

C. stood up for

D. made up for

→ **Chọn đáp án đúng: B. got away with**

Kiến thức: Cụm động từ

- A. put up with: chịu đựng
- B. get away with: thoát tội (không bị trừng phạt hoặc kỷ luật vì hành động sai trái)
- C. stand up for: bảo vệ, ủng hộ, bênh vực ai/điều gì
- D. make up for: đền bù, bù đắp cho

Tạm dịch:

Authorities said the group got away with it for months because the bottles closely resembled real Lavie products. (Nhà chức trách cho biết nhóm này đã thoát tội trong nhiều tháng vì những chai này trông giống sản phẩm Lavie thật.)

→ **Chọn đáp án B**

Câu 6

- A. obtain
- B. caution
- ✓ C. assess
- D. engage

→ **Chọn đáp án đúng: C. assess**

Kiến thức: Từ vựng theo ngữ cảnh

- A. obtain /əb'teɪn/ (v): đạt được, giành được, thu được
- B. caution /'kɔ:ʃn/ (v): cảnh báo
- C. assess /ə'ses/ (v): đánh giá
- D. engage /ɪn'geɪdʒ/ (v): thu hút

Tạm dịch:

Tests are underway to assess any potential health risks. (Các thử nghiệm đang được tiến hành để đánh giá bất kỳ rủi ro sức khỏe tiềm ẩn nào.)

→ **Chọn đáp án C**

Question 7-12

Read the following leaflet and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 7 to 12. 🎓 **How to Navigate Your First Year at University** Starting university is a big change, but with the right mindset, you can make it a rewarding journey.- Attend welcome sessions (7) _____ introduce you to your professors and campus facilities.- Meet students from different majors to build supportive friendships and useful connections.- Keep a (8) _____ that balances lectures, study sessions, and relaxation.- Join clubs or sports teams to strengthen your (9) _____ and communication skills.- Explore a wide (10) _____ of courses, workshops, and activities to discover what truly interests you.- When solo studying feels unproductive or stressful, try group study sessions (11) _____. - Set small goals and celebrate each achievement to stay (12) _____. Remember, your first year isn't about being perfect—it's about learning how to manage challenges, discover opportunities, and grow as a student and a person.

DỊCH BÀI

DỊCH BÀI	
🎓 How to Navigate Your First Year at University	🎓 Cách Vượt Qua Năm Đầu Tiên Ở Trường Đại Học
Starting university is a big change, but with the right mindset, you can make it a rewarding journey.	Bắt đầu học đại học là một sự thay đổi lớn, nhưng với tư duy đúng đắn, bạn có thể biến nó thành một hành trình đáng giá.
- Attend welcome sessions which introduce you to your professors and campus facilities.	- Tham dự các buổi chào mừng để làm quen với các giáo sư và cơ sở vật chất của trường.
- Meet students from different majors to build supportive friendships and useful connections.	- Gặp gỡ sinh viên từ các chuyên ngành khác nhau để xây dựng tình bạn hỗ trợ và các mối quan hệ hữu ích.
- Keep a realistic weekly schedule that balances lectures, study sessions, and relaxation.	- Giữ một lịch trình hàng tuần thực tế để cân bằng giữa các buổi học chính, các buổi tự học và việc thư giãn.
- Join clubs or sports teams to strengthen your	- Tham gia các câu lạc bộ hoặc đội thể thao để củng cố

confidence and communication skills.	sự tự tin và kỹ năng giao tiếp của bạn.
- Explore a wide range of courses, workshops, and activities to discover what truly interests you.	- Khám phá rất nhiều khóa học, hội thảo và hoạt động khác nhau để khám phá những gì bạn thực sự quan tâm.
- When solo studying feels unproductive or stressful, try group study sessions instead.	- Khi việc tự học một mình cảm thấy không hiệu quả hoặc căng thẳng, hãy thử học nhóm thay vào đó.
- Set small goals and celebrate each achievement to stay motivated.	- Đặt ra những mục tiêu nhỏ và ăn mừng mỗi thành tựu để duy trì động lực.
Remember, your first year isn't about being perfect - it's about learning how to manage challenges, discover opportunities, and grow as a student and a person.	Hãy nhớ rằng, năm đầu tiên của bạn không phải là để trở nên hoàn hảo - mà là học cách vượt qua thử thách, khám phá cơ hội và trưởng thành với tư cách là một sinh viên và một con người.

Câu 7

- A. when
- B. what
- C. whose

✓ **D. which**

→ **Chọn đáp án đúng: D. which**

Kiến thức: Mệnh đề quan hệ

- Đại từ quan hệ 'which' thay cho danh từ chỉ vật 'sessions' đóng vai trò làm chủ ngữ trong mệnh đề quan hệ.

Tạm dịch:

Attend welcome sessions which introduce you to your professors and campus facilities. (Tham dự các buổi chào mừng để làm quen với các giáo sư và cơ sở vật chất của trường.)

→ **Chọn đáp án D**

Câu 8

✓ **A. realistic weekly schedule**

- B. weekly realistic schedule
- C. schedule realistic weekly
- D. schedule weekly realistic

→ **Chọn đáp án đúng: A. realistic weekly schedule**

Kiến thức: Trật tự từ

- Ta có:

+ 'weekly schedule' (lịch trình theo tuần) là cụm danh từ chính.

+ Ta dùng tính từ 'realistic' trước cụm danh từ đó.

Tạm dịch:

Keep a realistic weekly schedule that balances lectures, study sessions, and relaxation. (Giữ một lịch trình hàng tuần thực tế để cân bằng giữa các buổi học chính, các buổi tự học và việc thư giãn.)

→ **Chọn đáp án A**

Câu 9

✓ **A. confidence**

- B. confidently
- C. confide
- D. confident

→ **Chọn đáp án đúng: A. confidence**

Kiến thức: Từ loại

A. confidence /'kɒnfɪdəns/ (n): sự tự tin

B. confidently /'kɒnfɪdəntli/ (adv): một cách tự tin

C. confide /kən'faɪd/ (v): thổ lộ, tâm sự

D. confident /'kɒnfɪdənt/ (adj): tự tin

- Ta có liên từ 'and' nên ta cần một danh từ để song hành với 'communication skills' và tạo thành một cụm danh từ đứng sau tính từ sở hữu 'your' => ta chọn 'confidence'.

Tạm dịch:

Join clubs or sports teams to strengthen your confidence and communication skills. (Tham gia các câu lạc bộ hoặc đội thể thao để củng cố sự tự tin và kỹ năng giao tiếp của bạn.)

→ **Chọn đáp án A**

Câu 10

A. amount

B. volume

C. minority

✓ **D. range**

→ **Chọn đáp án đúng: D. range**

Kiến thức: Cụm từ chỉ lượng

A. an amount of + N (không đếm được): lượng

B. a volume of + N (không đếm được): lượng

C. a minority of + N (đếm được số nhiều): thiểu số

D. a (wide) range of + N (đếm được số nhiều): (rất) nhiều, đa dạng

- Ta có 'courses, workshops, and activities' là cụm danh từ đếm được số nhiều, dựa vào ngữ nghĩa và có 'wide' ở phía trước nên ta chọn 'range'.

Tạm dịch:

Explore a wide range of courses, workshops, and activities to discover what truly interests you. (Khám phá rất nhiều khóa học, hội thảo và hoạt động khác nhau để khám phá những gì bạn thực sự quan tâm.)

→ **Chọn đáp án D**

Câu 11

A. though

✓ **B. instead**

C. however

D. otherwise

→ **Chọn đáp án đúng: B. instead**

Kiến thức: Liên từ và trạng từ liên kết

A. though: mặc dù

B. instead: thay vào đó

C. however: tuy nhiên

D. otherwise: nếu không thì

Tạm dịch:

When solo studying feels unproductive or stressful, try group study sessions instead. (Khi việc tự học một mình cảm thấy không hiệu quả hoặc căng thẳng, hãy thử học nhóm thay vào đó.)

→ **Chọn đáp án B**

Câu 12

✓ **A. motivated**

B. resistant

C. consistent

D. informed

→ **Chọn đáp án đúng: A. motivated**

Kiến thức: Từ vựng theo ngữ cảnh

A. motivated /'məʊtɪvɪtɪd/ (adj): có động lực

B. resistant /rɪ'zɪstənt/ (adj): kháng cự, chống lại

C. consistent /kən'sɪstənt/ (adj): kiên định, nhất quán

D. informed /ɪn'fɔ:md/ (adj): có hiểu biết, sáng suốt

Tạm dịch:

Set small goals and celebrate each achievement to stay motivated. (Đặt ra những mục tiêu nhỏ và ăn mừng mỗi thành tựu để duy trì động lực.)

→ **Chọn đáp án A**

Question 13-17

Mark the letter A, B, C or D to indicate the best arrangement of utterances or sentences to make a meaningful exchange or text in each of the following questions from 13 to 17.

Câu 13

a. New apartment blocks now rise where rice fields once shimmered, attracting professionals whose presence has given the streets a new rhythm. b. As property prices climb and traffic thickens after dusk, a sense of momentum seems to ripple through every corner. c. Once a quiet stretch of farmland, the suburb of Linh Ha has evolved into a lively residential and commercial district. d. The suburb's transformation feels less like disruption than fulfilment—a place finally becoming what its location had long promised. e. That influx has encouraged cafés and boutique shops to open nearby, blending urban energy with the area's rural calm.

A. c – b – e – d – a

✓ **B. c – a – e – b – d**

C. c – d – a – b – e

D. c – e – d – a – b

→ **Chọn đáp án đúng: B. c – a – e – b – d**

Kiến thức: Sắp xếp đoạn văn

DỊCH BÀI

Once a quiet stretch of farmland, the suburb of Linh Ha has evolved into a lively residential and commercial district. New apartment blocks now rise where rice fields once shimmered, attracting professionals whose presence has given the streets a new rhythm. That influx has encouraged cafés and boutique shops to open nearby, blending urban energy with the area's rural calm. As property prices climb and traffic thickens after dusk, a sense of momentum seems to ripple through every corner. The suburb's transformation feels less like disruption than fulfilment - a place finally becoming what its location had long promised.

Từng là một vùng đất nông nghiệp yên tĩnh, vùng ngoại ô Linh Hà đã phát triển thành một khu dân cư và thương mại sôi động. Các toà chung cư mới giờ lên mọc lên nơi từng là những cánh đồng lúa óng ánh, thu hút các chuyên gia mà sự hiện diện của họ đã tạo cho đường phố một nhịp điệu mới. Dòng người đó đã khuyến khích các quán cà phê và cửa hàng nhỏ mở gần đó, hòa quyện năng lượng đô thị với sự yên bình thôn dã của khu vực. Khi giá bất động sản tăng cao và giao thông đông đúc sau hoàng hôn, một cảm giác về đà phát triển dường như lan tỏa khắp mọi góc ngách. Sự chuyển đổi của vùng ngoại ô này mang lại cảm giác giống như sự gián đoạn hơn là sự hoàn thành - một nơi cuối cùng đã trở thành những gì mà vị trí của nó đã hứa hẹn từ lâu.

→ **Chọn đáp án B**

Câu 14

a. Hoa: It's getting harder to plan anything when the weather changes its mind every hour. b. Hoa: The weather's been so strange lately—sunny in the morning, then pouring by noon. c. Long: I know! I got drenched yesterday even though the sky looked clear when I left home.

A. a – c – b

B. a – b – c

C. b – a – c

✓ **D. b – c – a**

→ **Chọn đáp án đúng: D. b – c – a**

Kiến thức: Sắp xếp đoạn hội thoại 3 câu	
DỊCH BÀI	
- Hoa: The weather's been so strange lately - sunny in the morning, then pouring by noon.	- Hoa: Thời tiết dạo này lạ quá - sáng nắng, trưa đổ mưa.
- Long: I know! I got drenched yesterday even though the sky looked clear when I left home.	- Long: Tớ cũng thấy vậy! Hôm qua tớ đã bị ướt sũng mặc dù bầu trời trông trong xanh khi tớ rời nhà.
- Hoa: It's getting harder to plan anything when the weather changes its mind every hour.	- Hoa: Việc lên kế hoạch cho bất cứ việc gì càng trở nên khó khăn hơn khi thời tiết thay đổi từng giờ.
→ Chọn đáp án D	

Câu 15

a. Evenings spent sharing meals with villagers added warmth to the journey and showed how sustainability connects people as much as it protects the land. b. Surrounded by dense forest and limestone mountains, I learned how local guides protect wildlife through quiet observation rather than interference. c. By the time I left, the park felt less like a tourist site and more like a living reminder of what harmony with nature truly means. d. The eco-tour I joined last year offered a refreshing escape from the rush of city life. e. Each activity, from planting young trees to collecting plastic along forest trails, revealed how small actions can restore balance to nature.

- A. a – e – b – d – c
 B. d – a – e – b – c
 ✓ C. d – b – e – a – c
 D. a – d – b – e – c

→ **Chọn đáp án đúng: C. d – b – e – a – c**

Kiến thức: Sắp xếp đoạn văn	
DỊCH BÀI	
The eco-tour I joined last year offered a refreshing escape from the rush of city life. Surrounded by dense forest and limestone mountains, I learned how local guides protect wildlife through quiet observation rather than interference. Each activity, from planting young trees to collecting plastic along forest trails, revealed how small actions can restore balance to nature. Evenings spent sharing meals with villagers added warmth to the journey and showed how sustainability connects people as much as it protects the land. By the time I left, the park felt less like a tourist site and more like a living reminder of what harmony with nature truly means.	Chuyến du lịch sinh thái mà tôi tham gia năm ngoái mang đến một lối thoát đầy sáng khoái khỏi sự vội vã của cuộc sống thành thị. Được bao quanh bởi khu rừng rậm rạp và những ngọn núi đá vôi, tôi đã học được cách các hướng dẫn viên địa phương bảo vệ động vật hoang dã thông qua việc quan sát yên tĩnh thay vì can thiệp. Mỗi hoạt động, từ trồng cây non đến thu gom nhựa dọc các con đường mòn trong rừng, đều cho thấy những hành động nhỏ có thể khôi phục lại sự cân bằng cho thiên nhiên như thế nào. Những buổi tối cùng chia sẻ bữa ăn với dân làng đã tạo thêm sự ấm áp cho chuyến đi và cho thấy sự bền vững kết nối con người cũng như bảo vệ đất đai như thế nào. Khi tôi rời đi, công viên không còn giống một địa điểm du lịch nữa mà giống một lời nhắc nhở sống động về ý nghĩa thực sự của sự hài hoà với thiên nhiên.
→ Chọn đáp án C	

Câu 16

Dear Green Cycle Recycling Centre, a. It might help if more containers were placed near the local market, where most packaging waste is produced. b. Your community project has inspired many of us to think differently about waste. c. Many neighbours have already shown interest in joining future clean-up events, so expanding your programme could make a real difference. d. Recently, I noticed that several collection bins in our neighbourhood have been overflowing, which makes recycling less convenient for residents. e. Thank you for the effort you put into keeping our environment cleaner every day. Best regards, Minh Chan

A. c - a - b - d - e

B. d - c - b - a - e

C. d - b - a - c - e

✓ **D. b - d - a - c - e**

→ **Chọn đáp án đúng:** D. b - d - a - c - e

Kiến thức: Sắp xếp lá thư	
DỊCH BÀI	
Dear Green Cycle Recycling Centre, Your community project has inspired many of us to think differently about waste. Recently, I noticed that several collection bins in our neighbourhood have been overflowing, which makes recycling less convenient for residents. It might help if more containers were placed near the local market, where most packaging waste is produced. Many neighbours have already shown interest in joining future clean-up events, so expanding your programme could make a real difference. Thank you for the effort you put into keeping our environment cleaner every day.	Trung tâm Tái chế Green Cycle thân mến, Dự án cộng đồng của các bạn đã truyền cảm hứng cho nhiều người trong chúng tôi suy nghĩ khác về rác thải. Gần đây, tôi nhận thấy một số thùng thu gom trong khu phố của chúng tôi đã bị quá tải, khiến việc tái chế trở nên kém thuận tiện hơn đối với cư dân. Sẽ hữu ích nếu có nhiều thùng chứa hơn được đặt gần chợ địa phương, nơi sản sinh ra hầu hết rác thải bao bì. Nhiều người hàng xóm đã thể hiện sự quan tâm đến việc tham gia các sự kiện dọn dẹp trong tương lai, vì vậy việc mở rộng chương trình của các bạn có thể tạo ra sự khác biệt thực sự. Cảm ơn các bạn đã nỗ lực giữ cho môi trường của chúng ta sạch hơn mỗi ngày.
Best regards, Minh Chan	Trân trọng, Minh Chan
→ Chọn đáp án D	

Câu 17

a. Linh: Same here, but I made a study plan yesterday—it actually helps me stay focused. b. Nam: Not really. I keep getting distracted whenever I open my notes. c. Linh: In my opinion, having a clear schedule makes studying feel much less stressful. d. Nam: That sounds smart. Maybe I should try doing the same before it's too late. e. Linh: Have you started revising for the final exam yet?

A. e - d - c - b - a

B. c - d - e - b - a

✓ **C. e - b - a - d - c**

D. c - b - a - d - e

→ **Chọn đáp án đúng:** C. e - b - a - d - c

Kiến thức: Sắp xếp đoạn hội thoại 5 câu	
DỊCH BÀI	
- Linh: Have you started revising for the final exam yet?	- Linh: Cậu đã bắt đầu ôn thi cuối kỳ chưa?
- Nam: Not really. I keep getting distracted whenever I open my notes.	- Nam: Tớ chưa. Tớ cứ bị phân tâm mỗi khi mở các ghi chép của mình.
- Linh: Same here, but I made a study plan yesterday - it actually helps me stay focused.	- Linh: Tớ cũng vậy, nhưng hôm qua tớ đã lập một kế hoạch học tập - nó thực sự giúp tớ tập trung hơn.
- Nam: That sounds smart. Maybe I should try doing the same before it's too late.	- Nam: Nghe có vẻ thông minh đấy. Có lẽ tớ nên thử làm điều tương tự trước khi quá muộn.
- Linh: In my opinion, having a clear schedule makes studying feel much less stressful.	- Linh: Theo tớ, việc có một lịch trình rõ ràng sẽ khiến việc học bớt căng thẳng hơn rất nhiều.
→ Chọn đáp án C	

Question 18-22

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 18 to 22. At the moment, we get about 70% of our energy from fossil fuels like oil, coal and natural gas. But there are two main problems with fossil fuels. Firstly, they release CO₂ when we burn them. And secondly, fossil fuels take millions of years to form and the supply is limited. (18) _____.

Alternative energy is energy generated from any source other than 'traditional' fossil fuels and which doesn't damage our environment. The sun (solar energy), wind (eolic energy), water (hydroelectric energy), tides and waves (tidal and wave power) are all alternative energy sources. They are also called renewable energies because they won't run out. There are other sources of energy such as biofuel and nuclear power, but these are not strictly alternative energy sources. Biofuel is a term (19) _____ (carbon-based biological material, usually plants), so it releases CO₂ in the same way as fossil fuels. Nuclear power doesn't produce CO₂, but it does produce waste which can stay toxic for 240,000 years. Alternative energy is also classed as sustainable energy – this means (20) _____. Biofuels can also be sustainable, but only when the biological material is used more slowly than it grows. Climate change and global warming, together with high oil prices and the risk of nuclear contamination, (21) _____. The production of alternative energy is growing very rapidly, particularly in Europe, Asia, and the United States. (22) _____.

DỊCH BÀI

DỊCH BÀI	
At the moment, we get about 70% of our energy from fossil fuels like oil, coal and natural gas. But there are two main problems with fossil fuels. Firstly, they release CO ₂ when we burn them. And secondly, fossil fuels take millions of years to form and the supply is limited. But fossil fuels are not the only sources of energy.	Hiện tại, chúng ta lấy khoảng 70% năng lượng từ nhiên liệu hóa thạch như dầu mỏ, than đá và khí tự nhiên. Nhưng có hai vấn đề chính với nhiên liệu hóa thạch. Đầu tiên, chúng thải ra CO ₂ khi chúng ta đốt chúng. Và thứ hai, nhiên liệu hóa thạch phải mất hàng triệu năm để hình thành và nguồn cung thì có hạn. Nhưng nhiên liệu hóa thạch không phải là nguồn năng lượng duy nhất.
Alternative energy is energy generated from any source other than 'traditional' fossil fuels and which doesn't damage our environment. The sun (solar energy), wind (eolic energy), water (hydroelectric energy), tides and waves (tidal and wave power) are all alternative energy sources. They are also called renewable energies because they won't run out. There are other sources of energy such as biofuel and nuclear power, but these are not strictly alternative energy sources. Biofuel is a term that includes a wide variety of fuels obtained from biomass (carbon-based biological material, usually plants), so it releases CO ₂ in the same way as fossil fuels. Nuclear power doesn't produce CO ₂ , but it does produce waste which can stay toxic for 240,000 years.	Năng lượng thay thế là năng lượng được tạo ra từ bất kỳ nguồn nào khác ngoài nhiên liệu hóa thạch 'truyền thống' và không gây hại cho môi trường của chúng ta. Mặt trời (năng lượng mặt trời), gió (năng lượng gió), nước (năng lượng thủy điện), thủy triều và sóng (năng lượng thủy triều và sóng) đều là những nguồn năng lượng thay thế. Chúng còn được gọi là năng lượng tái tạo vì chúng sẽ không cạn kiệt. Có những nguồn năng lượng khác như nhiên liệu sinh học và năng lượng hạt nhân, nhưng chúng không phải là những nguồn năng lượng thay thế hoàn toàn. Nhiên liệu sinh học là một thuật ngữ bao gồm nhiều loại nhiên liệu thu được từ sinh khối (vật liệu sinh học gốc carbon, thường là thực vật), vì vậy nó thải ra CO ₂ giống như nhiên liệu hóa thạch. Năng lượng hạt nhân không tạo ra CO ₂ , nhưng nó tạo ra chất thải có thể độc hại trong 240.000 năm.
Alternative energy is also classed as sustainable energy - this means we can use it now without affecting the supply in the future. Biofuels can also be sustainable, but only when the biological material is used more slowly than it grows. Climate change and global warming, together with high oil prices and the risk of nuclear contamination, are making renewable energy sources more and more attractive. The production of alternative energy is growing very rapidly, particularly in Europe, Asia, and the United	Năng lượng thay thế cũng được xếp vào loại năng lượng bền vững - điều này có nghĩa là chúng ta có thể sử dụng nó ngay bây giờ mà không ảnh hưởng đến nguồn cung trong tương lai. Nhiên liệu sinh học cũng có thể bền vững, nhưng chỉ khi vật liệu sinh học được sử dụng chậm hơn tốc độ phát triển của nó. Biến đổi khí hậu và hiện tượng nóng lên toàn cầu, cùng với giá dầu cao và nguy cơ ô nhiễm phóng xạ, đang khiến các nguồn năng lượng tái tạo ngày càng trở nên hấp dẫn hơn. Việc sản xuất năng lượng thay thế đang phát triển

States. It is estimated that 16% of all energy now comes from renewable resources.

rất nhanh, đặc biệt ở Châu Âu, Châu Á và Hoa Kỳ. Người ta ước tính rằng 16% tổng năng lượng hiện nay đến từ các nguồn tài nguyên tái tạo.

Câu 18

- A. So the only sources of energy are not fossil fuels
B. And the sources of energy are not only fossil fuels
✓ C. But fossil fuels are not the only sources of energy
D. Yet only fossil fuels are not the sources of energy
→ **Chọn đáp án đúng:** C. But fossil fuels are not the only sources of energy

Kiến thức: Liên từ và trạng từ liên kết

- A. Vì vậy nguồn năng lượng duy nhất không phải là nhiên liệu hóa thạch → Sai vì 'So' diễn tả kết quả nên không phù hợp với ngữ cảnh.
B. Và nguồn năng lượng không chỉ là nhiên liệu hóa thạch → Sai vì 'And' thể hiện sự bổ sung nên không phù hợp với ngữ cảnh.
C. Nhưng nhiên liệu hóa thạch không phải là nguồn năng lượng duy nhất → Đúng vì ngữ nghĩa tạo ra sự tương phản: nhiên liệu hoá thạch có vấn đề nhưng không phải nguồn năng lượng duy nhất và toàn bộ đoạn tiếp theo đề cập đến 'alternative energy' (năng lượng thay thế).
D. Nhưng chỉ có nhiên liệu hóa thạch không phải là nguồn năng lượng → Sai vì ngữ nghĩa trái ngược với thực tế nhiên liệu hoá thạch là nguồn năng lượng.

Tạm dịch:

But fossil fuels are not the only sources of energy. (Nhưng nhiên liệu hóa thạch không phải là nguồn năng lượng duy nhất.)

→ **Chọn đáp án C**

Câu 19

- A. obtained a wide variety of fuels from biomass
✓ B. that includes a wide variety of fuels obtained from biomass
C. included a wide variety of fuels obtained from biomass
D. a wide variety of fuels are obtained from biomass
→ **Chọn đáp án đúng:** B. that includes a wide variety of fuels obtained from biomass

Kiến thức: Mệnh đề quan hệ

Ta thấy câu đã có chủ ngữ chính 'Biofuel' và động từ chính 'is' nên ta có thể dùng mệnh đề quan hệ hoặc mệnh đề quan hệ rút gọn để bổ nghĩa cho cụm danh từ 'a term'.

- Loại A vì 'obtained' là mệnh đề quan hệ rút gọn dạng bị động nhưng 'a term' (một thuật ngữ) không thể 'được thu được'.
- Loại C vì cần phải dùng mệnh đề quan hệ rút gọn dạng chủ động 'included → including'.
- Loại D vì là mệnh đề độc lập.
- B đúng vì là mệnh đề quan hệ.

Tạm dịch:

Biofuel is a term that includes a wide variety of fuels obtained from biomass (carbon-based biological material, usually plants), so it releases CO₂ in the same way as fossil fuels. (Nhiên liệu sinh học là một thuật ngữ bao gồm nhiều loại nhiên liệu thu được từ sinh khối (vật liệu sinh học gốc carbon, thường là thực vật), vì vậy nó thải ra CO₂ giống như nhiên liệu hóa thạch.)

→ **Chọn đáp án B**

Câu 20

- ✓ A. we can use it now without affecting the supply in the future
B. its effect on the future supply is not currently in use
C. it doesn't affect the future supply unless we use it now
D. the current supply in use is not affected in the future
→ **Chọn đáp án đúng:** A. we can use it now without affecting the supply in the future

Kiến thức: Ngữ cảnh bài đọc điền khuyết thông tin

A. chúng ta có thể sử dụng nó ngay bây giờ mà không ảnh hưởng đến nguồn cung trong tương lai → Đúng vì ngữ nghĩa phù hợp, giải thích rõ hơn về định nghĩa của ‘sustainable energy’.

B. ảnh hưởng của nó tới nguồn cung trong tương lai hiện chưa được sử dụng → Sai về ngữ nghĩa.

C. nó không ảnh hưởng đến nguồn cung trong tương lai nếu chúng ta không sử dụng nó ngay bây giờ → Sai về logic vì bản chất của năng lượng bền vững là có thể sử dụng bây giờ mà vẫn đảm bảo cho tương lai.

D. nguồn cung hiện tại đang được sử dụng không bị ảnh hưởng trong tương lai → Sai vì lệch đối tượng, cần phải giải thích, nói rõ về ‘năng lượng bền vững’ chứ không phải ‘nguồn cung hiện tại’.

Tạm dịch:

Alternative energy is also classed as sustainable energy - this means we can use it now without affecting the supply in the future. (Năng lượng thay thế cũng được xếp vào loại năng lượng bền vững - điều này có nghĩa là chúng ta có thể sử dụng nó ngay bây giờ mà không ảnh hưởng đến nguồn cung trong tương lai.)

→ **Chọn đáp án A**

Câu 21

A. when renewable energy sources become more and more attractive

B. the increasing attractiveness of renewable energy sources

✓ **C. are making renewable energy sources more and more attractive**

D. whose attractiveness of renewable energy sources is increasing

→ **Chọn đáp án đúng:** C. are making renewable energy sources more and more attractive

Kiến thức: Các loại mệnh đề

Ta thấy câu đã có chủ ngữ chính ‘Climate change and global warming’ và cụm giới từ ‘together with high oil prices and the risk of nuclear contamination’ bổ nghĩa cho chủ ngữ chính nên ta cần một động từ chính có chia thì.

- Loại A vì là mệnh đề trạng ngữ.

- Loại B vì là cụm danh từ.

- Loại D vì là mệnh đề quan hệ.

- C đúng vì là động từ chia thì ‘are making...’.

Tạm dịch:

Climate change and global warming, together with high oil prices and the risk of nuclear contamination, are making renewable energy sources more and more attractive. (Biến đổi khí hậu và hiện tượng nóng lên toàn cầu, cùng với giá dầu cao và nguy cơ ô nhiễm phóng xạ, đang khiến các nguồn năng lượng tái tạo ngày càng trở nên hấp dẫn hơn.)

→ **Chọn đáp án C**

Câu 22

A. 16% of all renewable energy is now estimated to come from resources

✓ **B. It is estimated that 16% of all energy now comes from renewable resources**

C. All energy is now estimated to come from 16% of renewable resources

D. The estimation of renewable energy comes from 16% of the resources

→ **Chọn đáp án đúng:** B. It is estimated that 16% of all energy now comes from renewable resources

Kiến thức: Ngữ cảnh bài đọc điền khuyết thông tin

A. Ước tính 16% tổng năng lượng tái tạo hiện nay đến từ các nguồn tài nguyên → Sai về ngữ nghĩa.

B. Người ta ước tính rằng 16% tổng năng lượng hiện nay đến từ các nguồn tài nguyên tái tạo → Đúng vì ngữ nghĩa phù hợp.

C. Toàn bộ năng lượng hiện được ước tính đến từ 16% các nguồn tài nguyên tái tạo → Sai về ngữ nghĩa.

D. Ước tính năng lượng tái tạo đến từ 16% các nguồn tài nguyên → Sai về ngữ nghĩa.

Tạm dịch:

It is estimated that 16% of all energy now comes from renewable resources. (Người ta ước tính rằng 16% tổng năng lượng hiện nay đến từ các nguồn tài nguyên tái tạo.)

→ **Chọn đáp án B**

Question 23-30

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the questions from 23 to 30. The Plastiki looks similar to many other boats in Sydney Harbour. It's eighteen metres long, six metres wide, and it weighs about twelve thousand kilograms. It carries a crew of six people and has an average speed of five knots. However, once you get near the Plastiki, you realise there's a big distinction. It's made of twelve thousand five hundred re-used plastic bottles. David de Rothschild is an environmentalist who has crossed Antarctica and explored the Ecuadorian Amazon. One day, he was reading some information about all the plastic in the seas and oceans. He couldn't believe what he was reading. For example, humans throw away four out of every five plastic bottles they use, and plastic rubbish causes about eighty per cent of the pollution in the sea. In addition, scientists think that around one million seabirds die every year from plastic pollution. De Rothschild decided he wanted to help fight pollution in the sea. To help more people understand the problem, he started building a boat made of plastic bottles. As well as building the boat with recycled plastic, it was important for him to make the boat environmentally friendly and user-friendly. The boat uses renewable energy such as wind power and solar energy. The crew can make meals with vegetables from the small garden at the back of the boat. They can take a break from work and get some exercise by using the special exercise bicycle. The energy from the bike provides power for the boat's computers. And if anyone needs to take a shower, the boat's shower uses saltwater from the sea.

DỊCH BÀI

DỊCH BÀI	
The Plastiki looks similar to many other boats in Sydney Harbour. It's eighteen metres long, six metres wide, and it weighs about twelve thousand kilograms. It carries a crew of six people and has an average speed of five knots. However, once you get near the Plastiki, you realise there's a big distinction. It's made of twelve thousand five hundred re-used plastic bottles.	Plastiki trông giống như nhiều chiếc thuyền khác ở Cảng Sydney. Nó dài mười tám mét, rộng sáu mét và nặng khoảng mười hai nghìn kg. Nó chở một thủy thủ đoàn gồm sáu người và có tốc độ trung bình là 5 hải lý/giờ. Tuy nhiên, một khi đến gần Plastiki, bạn sẽ nhận ra một sự khác biệt lớn. Nó được làm từ 12.500 chai nhựa tái sử dụng.
David de Rothschild is an environmentalist who has crossed Antarctica and explored the Ecuadorian Amazon. One day, he was reading some information about all the plastic in the seas and oceans. He couldn't believe what he was reading. For example, humans throw away four out of every five plastic bottles they use, and plastic rubbish causes about eighty per cent of the pollution in the sea. In addition, scientists think that around one million seabirds die every year from plastic pollution.	David de Rothschild là một nhà bảo vệ môi trường, người đã băng qua Nam Cực và khám phá rừng Amazon của Ecuador. Một ngày nọ, anh ấy đang đọc một số thông tin về tất cả lượng nhựa ở biển và đại dương. Anh không thể tin vào những gì mình đang đọc. Ví dụ, cứ năm chai nhựa được sử dụng thì con người vứt đi bốn chai, và rác thải nhựa gây ra khoảng 80% tình trạng ô nhiễm trên biển. Ngoài ra, các nhà khoa học cho rằng có khoảng một triệu con chim biển chết mỗi năm do ô nhiễm nhựa.
De Rothschild decided he wanted to help fight pollution in the sea. To help more people understand the problem, he started building a boat made of plastic bottles. As well as building the boat with recycled plastic, it was important for him to make the boat environmentally friendly and user-friendly.	De Rothschild quyết định muốn giúp chống lại tình trạng ô nhiễm trên biển. Để giúp nhiều người hiểu vấn đề hơn, anh ấy bắt đầu đóng một chiếc thuyền làm từ chai nhựa. Ngoài việc đóng chiếc thuyền bằng nhựa tái chế, điều quan trọng đối với anh là làm cho chiếc thuyền thân thiện với môi trường và thân thiện với người sử dụng.
The boat uses renewable energy such as wind power and solar energy. The crew can make meals with vegetables from the small garden at the back of the boat. They can take a break from work and get some exercise by using the special exercise bicycle. The energy from the bike provides power for the boat's	Chiếc thuyền sử dụng năng lượng tái tạo như năng lượng gió và năng lượng mặt trời. Thủy thủ đoàn có thể nấu bữa ăn với rau củ từ khu vườn nhỏ phía sau thuyền. Họ có thể nghỉ ngơi và tập thể dục bằng cách sử dụng chiếc xe đạp tập thể dục đặc biệt. Năng lượng từ chiếc xe đạp này cung cấp năng lượng cho các máy

computers. And if anyone needs to take a shower, the boat's shower uses saltwater from the sea.

tính của thuyền. Và nếu ai có nhu cầu tắm thì vòi sen của thuyền sử dụng nước mặn từ biển.

Câu 23

The word distinction in paragraph 1 is OPPOSITE in meaning to _____.

✓ **A. similarity**

B. difference

C. extinction

D. progress

→ **Chọn đáp án đúng:** A. similarity

Kiến thức: Từ vựng trái nghĩa theo ngữ cảnh bài đọc

Từ "**distinction**" trong đoạn 1 có nghĩa TRÁI NGƯỢC với _____.

A. similarity /sɪməˈlærəti/ (n): sự giống nhau

B. difference /ˈdɪfrəns/ (n): sự khác biệt

C. extinction /ɪkˈstɪŋkʃn/ (n): sự tuyệt chủng

D. progress /ˈprɒɡres/ (n): sự tiến bộ

- distinction /dɪˈstɪŋkʃn/ (n): sự khác biệt >< similarity (n)

Thông tin:

However, once you get near the Plastiki, you realise there's a big **distinction**. (Tuy nhiên, một khi đến gần Plastiki, bạn sẽ nhận ra một sự khác biệt lớn.)

→ **Chọn đáp án A**

Câu 24

Which of the following is NOT mentioned in paragraph 1 about the Plastiki?

A. It's 6 metres wide.

✓ **B. It has 5 rooms.**

C. It can carry up to 6 people.

D. It's 18 metres long.

→ **Chọn đáp án đúng:** B. It has 5 rooms.

Kiến thức: Tìm thông tin không có trong đoạn

Điều nào sau đây KHÔNG được đề cập trong đoạn 1 về Plastiki?

A. Nó rộng 6 mét.

B. Nó có 5 phòng.

C. Nó có thể chở đến 6 người.

D. Nó dài 18 mét.

Thông tin:

+ It's eighteen metres long, six metres wide, and it weighs about twelve thousand kilograms. (Nó dài mười tám mét, rộng sáu mét và nặng khoảng mười hai nghìn kg.)

→ A và D được đề cập trong đoạn 1 về Plastiki.

+ It carries a crew of six people and has an average speed of five knots. (Nó chở một thủy thủ đoàn gồm sáu người và có tốc độ trung bình là 5 hải lý/giờ.)

→ C được đề cập trong đoạn 1 về Plastiki.

→ B không được đề cập trong đoạn 1 về Plastiki.

→ **Chọn đáp án B**

Câu 25

The word they in paragraph 2 refers to _____.

A. plastic bottles

✓ **B. humans**

C. the seas

D. oceans

→ **Chọn đáp án đúng:** B. humans

Kiến thức: Từ quy chiếu

Từ “they” trong đoạn 2 ám chỉ đến _____.

- A. chai nhựa
- B. con người
- C. biển
- D. đại dương

- Từ “they” trong đoạn 2 ám chỉ đến “humans”.

Thông tin:

For example, humans throw away four out of every five plastic bottles they use, and plastic rubbish causes about eighty per cent of the pollution in the sea. (Ví dụ, cứ năm chai nhựa được sử dụng thì con người vứt đi bốn chai, và rác thải nhựa gây ra khoảng 80% tình trạng ô nhiễm trên biển.)

→ **Chọn đáp án B**

Câu 26

Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 3? As well as building the boat with recycled plastic, it was important for him to make the boat environmentally friendly and user-friendly.

✓ **A. He not only used recycled plastic to build the boat but also made sure it was good for the environment and easy to use.**

B. He focused on using recycled plastic and aimed to raise awareness about how uncomfortable and impractical such eco-friendly boats can be.

C. His goal was to create a boat that promoted environmental values, even if it meant reducing comfort and ease of use.

D. While the boat was made with eco-friendly materials, its design mainly highlighted the challenges of combining sustainability with convenience.

→ **Chọn đáp án đúng: A.** He not only used recycled plastic to build the boat but also made sure it was good for the environment and easy to use.

Kiến thức: Paraphrasing

Câu nào sau đây diễn giải tốt nhất câu được gạch chân ở đoạn 3?

Ngoài việc đóng chiếc thuyền bằng nhựa tái chế, điều quan trọng đối với anh là làm cho chiếc thuyền thân thiện với môi trường và thân thiện với người sử dụng.

A. Anh ấy không chỉ sử dụng nhựa tái chế để đóng thuyền mà còn đảm bảo rằng nó tốt cho môi trường và dễ sử dụng. → Diễn giải tốt nhất ngữ nghĩa của câu gốc.

B. Anh ấy tập trung vào việc sử dụng nhựa tái chế và hướng tới việc nâng cao nhận thức về việc những chiếc thuyền thân thiện với môi trường như vậy có thể gây bất tiện và phi thực tế như thế nào. → Sai vì ‘uncomfortable and impractical’ trái với ‘environmentally friendly and user-friendly’.

C. Mục tiêu của anh ấy là tạo ra một chiếc thuyền thúc đẩy các giá trị về môi trường, ngay cả khi điều đó đồng nghĩa với việc giảm bớt sự thoải mái và việc dễ sử dụng. → Sai vì câu gốc không đề cập ‘even if it meant reducing comfort and ease of use’.

D. Mặc dù chiếc thuyền được làm bằng vật liệu thân thiện với môi trường, thiết kế của nó chủ yếu làm nổi bật những thách thức trong việc kết hợp sự bền vững với sự tiện lợi. → Sai vì câu gốc không đề cập ‘highlighted the challenges...’.

→ **Chọn đáp án A**

Câu 27

The word power in paragraph 4 can be best replaced by _____.

- A. danger
- B. routine
- ✓ **C. energy**
- D. ability

→ **Chọn đáp án đúng: C.** energy

Kiến thức: Từ vựng đồng nghĩa theo ngữ cảnh bài đọc

Từ “**power**” ở đoạn 4 có thể được thay thế tốt nhất bằng _____.

- A. danger /'deɪndʒə(r)/ (n): sự nguy hiểm
 - B. routine /ru:'ti:n/ (n/adj): thói quen, lễ thói hàng ngày
 - C. energy /'enədʒi/ (n): năng lượng
 - D. ability /ə'biləti/ (n): khả năng, năng lực
- power /'paʊə(r)/ (n): năng lượng = energy (n)

Thông tin:

The energy from the bike provides **power** for the boat's computers. (Năng lượng từ chiếc xe đạp này cung cấp năng lượng cho các máy tính của thuyền.)

→ **Chọn đáp án C**

Câu 28

Which of the following is TRUE according to the passage?

- A. The main goal of the Plastiki project was to test whether plastic bottles could float on water.
- B. The Plastiki was designed to break speed records using advanced boat technology.
- ✓ C. David de Rothschild built the Plastiki to raise awareness about plastic pollution in the oceans.
- D. The Plastiki crew used plastic waste from the ocean directly to build the entire boat.

→ **Chọn đáp án đúng:** C. David de Rothschild built the Plastiki to raise awareness about plastic pollution in the oceans.

Kiến thức: TRUE/ NOT TRUE/ NOT MENTIONED

Điều nào sau đây là ĐÚNG theo bài đọc?

- A. Mục tiêu chính của dự án Plastiki là kiểm tra xem chai nhựa có nổi trên mặt nước hay không.
- B. Plastiki được thiết kế để phá kỷ lục tốc độ bằng công nghệ về thuyền tiên tiến.
- C. David de Rothschild đã chế tạo Plastiki để nâng cao nhận thức về ô nhiễm nhựa ở đại dương.
- D. Thủy thủ đoàn Plastiki đã trực tiếp sử dụng rác thải nhựa từ đại dương để đóng toàn bộ chiếc thuyền.

Thông tin:

+ It carries a crew of six people and has an average speed of five knots. (Nó chở một thủy thủ đoàn gồm sáu người và có tốc độ trung bình là 5 hải lý/giờ.)

→ B sai vì ‘break speed records using advanced boat technology’ không được đề cập, thông tin chỉ nói rằng Plastiki ‘has an average speed of five knots’ (có tốc độ trung bình là 5 hải lý/giờ).

+ It's made of twelve thousand five hundred re-used plastic bottles. (Nó được làm từ 12.500 chai nhựa tái sử dụng.)

→ D sai ở ‘plastic waste from the ocean directly’ vì thông tin chỉ nói rằng Plastiki được đóng bằng ‘twelve thousand five hundred re-used plastic bottles’ (12.500 chai nhựa tái sử dụng).

+ De Rothschild decided he wanted to help fight pollution in the sea. To help more people understand the problem, he started building a boat made of plastic bottles. (De Rothschild quyết định muốn giúp chống lại tình trạng ô nhiễm trên biển. Để giúp nhiều người hiểu vấn đề hơn, anh ấy bắt đầu đóng một chiếc thuyền làm từ chai nhựa.)

→ A sai vì không có thông tin đề cập ‘test whether plastic bottles could float on water’ mà mục tiêu thật sự là nâng cao nhận thức về ô nhiễm nhựa trên biển.

→ C đúng.

→ **Chọn đáp án C**

Câu 29

Which paragraph explains how the crew live and work on the Plastiki?

- A. Paragraph 1
- B. Paragraph 2
- C. Paragraph 3
- ✓ D. Paragraph 4

→ **Chọn đáp án đúng:** D. Paragraph 4

Kiến thức: Tìm đoạn chứa thông tin

Đoạn văn nào giải thích cách sống và làm việc của thủy thủ đoàn trên Plastiki?

- A. Đoạn 1
- B. Đoạn 2
- C. Đoạn 3
- D. Đoạn 4

Thông tin:

The crew can make meals with vegetables from the small garden at the back of the boat. They can take a break from work and get some exercise by using the special exercise bicycle. The energy from the bike provides power for the boat's computers. And if anyone needs to take a shower, the boat's shower uses saltwater from the sea. (Thủy thủ đoàn có thể nấu bữa ăn với rau củ từ khu vườn nhỏ phía sau thuyền. Họ có thể nghỉ ngơi và tập thể dục bằng cách sử dụng chiếc xe đạp tập thể dục đặc biệt. Năng lượng từ chiếc xe đạp này cung cấp năng lượng cho các máy tính của thuyền. Và nếu ai có nhu cầu tắm thì vòi sen của thuyền sử dụng nước mặn từ biển.)

→ **Chọn đáp án D**

Câu 30

Which paragraph mentions facts about pollution?

- A. Paragraph 1
- ✓ **B. Paragraph 2**
- C. Paragraph 3
- D. Paragraph 4

→ **Chọn đáp án đúng: B. Paragraph 2**

Kiến thức: Tìm đoạn chứa thông tin

Đoạn văn nào đề cập đến những sự thật về ô nhiễm?

- A. Đoạn 1
- B. Đoạn 2
- C. Đoạn 3
- D. Đoạn 4

Thông tin:

For example, humans throw away four out of every five plastic bottles they use, and plastic rubbish causes about eighty per cent of the pollution in the sea. In addition, scientists think that around one million seabirds die every year from plastic pollution. (Ví dụ, cứ năm chai nhựa được sử dụng thì con người vứt đi bốn chai, và rác thải nhựa gây ra khoảng 80% tình trạng ô nhiễm trên biển. Ngoài ra, các nhà khoa học cho rằng có khoảng một triệu con chim biển chết mỗi năm do ô nhiễm nhựa.)

→ **Chọn đáp án B**

Question 31-40

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the questions from 31 to 40. Life in Cairo is both daunting and exhilarating. With a population of more than 17 million, Egypt's capital city is one of the most vibrant and complex cities in the world. Skyscrapers and five-star hotels loom over the River Nile, ancient mosques fill even the most westernised neighbourhoods and a millennium of Islamic architecture competes for space with 4,000-year-old Pharaonic monuments. Downtown living has its ups and downs and it is more affordable than many of the more westernised areas of Cairo. (I) Good secondary schools are expensive and will involve a lengthy commute. In addition, food must be bought in grocery stores and a few overpriced vegetable markets, rather than supermarkets. Good nightclubs are also scarce. (II) Possibly the best nightlife is the streets themselves, which bustle with life until the early hours of the morning. For expats who want to immerse themselves in an Arabic-speaking world, Islamic Cairo is only a ten-minute drive east of the city centre. The traffic, and therefore pollution, in this area is a major drawback: don't live here if you have allergies. Still, it's as central as you can get with great public transport. Driving in Cairo is an interesting experience. Travelling even short journeys can take a long time simply because there are so many vehicles competing for road space. Taxis are cheap and plentiful but get bogged down in the heavy traffic.

Unexpectedly, there are relatively few collisions. Regular Cairo drivers will explain that they are experts when it comes to reaching their destination safely. (III) For those who decide to relocate here, accommodation is easy to find and cheap by western standards, ranging from nineteenth-century colonial opulence to seventies tower blocks. Islam remains the main cultural influence and the numerous religious festivals are major events for Cairo residents. Dress is modest, even in the blistering summer heat, and you will be expected to follow suit by covering up in public. (IV)

DỊCH BÀI

DỊCH BÀI	
Life in Cairo is both daunting and exhilarating. With a population of more than 17 million, Egypt's capital city is one of the most vibrant and complex cities in the world. Skyscrapers and five-star hotels loom over the River Nile, ancient mosques fill even the most westernised neighbourhoods and a millennium of Islamic architecture competes for space with 4,000-year-old Pharaonic monuments.	Cuộc sống ở Cairo vừa đáng sợ vừa đầy phấn khích. Với dân số hơn 17 triệu người, thủ đô của Ai Cập là một trong những thành phố sôi động và phức tạp nhất trên thế giới. Các tòa nhà chọc trời và khách sạn năm sao sừng sững trên Sông Nile, các nhà thờ Hồi giáo cổ kính lấp đầy ngay cả những khu phố Tây hoá nhất và một thiên niên kỷ kiến trúc Hồi giáo chen chúc cùng những di tích thời Pharaoh 4.000 năm tuổi.
Downtown living has its ups and downs and it is more affordable than many of the more westernised areas of Cairo. However, central Cairo isn't ideal for kids. Good secondary schools are expensive and will involve a lengthy commute. In addition, food must be bought in grocery stores and a few overpriced vegetable markets, rather than supermarkets. Good nightclubs are also scarce. Possibly the best nightlife is the streets themselves, which bustle with life until the early hours of the morning. For expats who want to immerse themselves in an Arabic-speaking world, Islamic Cairo is only a ten-minute drive east of the city centre.	Cuộc sống ở trung tâm thành phố có những thăng trầm và có chi phí phải chăng hơn nhiều so với các khu vực Tây hoá hơn của Cairo. Tuy nhiên, trung tâm Cairo không lý tưởng cho trẻ em. Các trường trung học tốt thường đắt đỏ và phải mất nhiều thời gian đi lại. Ngoài ra, thực phẩm phải được mua ở các cửa hàng tạp hóa và một vài chợ rau củ đắt đỏ, thay vì là ở siêu thị. Các hộp đêm tốt cũng khan hiếm. Có lẽ cuộc sống về đêm tuyệt vời nhất chính là những con phố, nơi nhộn nhịp với cuộc sống cho đến tận sáng sớm. Đối với những người nước ngoài muốn hòa mình vào thế giới nói tiếng Ả Rập, Khu Hồi giáo Cairo chỉ cách trung tâm thành phố mười phút lái xe về phía đông.
The traffic, and therefore pollution, in this area is a major drawback: don't live here if you have allergies. Still, it's as central as you can get with great public transport. Driving in Cairo is an interesting experience. Travelling even short journeys can take a long time simply because there are so many vehicles competing for road space. Taxis are cheap and plentiful but get bogged down in the heavy traffic. Unexpectedly, there are relatively few collisions. Regular Cairo drivers will explain that they are experts when it comes to reaching their destination safely.	Giao thông, và do đó là ô nhiễm, ở khu vực này là một nhược điểm lớn: đừng sống ở đây nếu bạn bị dị ứng. Tuy nhiên, nó vẫn là trung tâm nơi bạn có thể có hệ thống giao thông công cộng tuyệt vời. Lái xe ở Cairo là một trải nghiệm thú vị. Việc di chuyển ngay cả những hành trình ngắn cũng có thể mất nhiều thời gian đơn giản vì có quá nhiều phương tiện cạnh tranh không gian đường bộ. Taxi thì rẻ và nhiều nhưng dễ bị kẹt cứng trong tình trạng giao thông đông đúc. Thật bất ngờ là có tương đối ít vụ va chạm. Các tài xế thông thường ở Cairo sẽ giải thích rằng họ là những chuyên gia trong việc đến đích an toàn.
For those who decide to relocate here, accommodation is easy to find and cheap by western standards, ranging from nineteenth-century colonial opulence to seventies tower blocks. Islam remains the main cultural influence and the numerous religious festivals are major events for Cairo residents. Dress is modest, even in the blistering summer heat, and you will be expected to follow suit by covering up in public.	Đối với những người quyết định chuyển đến đây, chỗ ở rất dễ tìm và rẻ theo tiêu chuẩn phương Tây, từ sự sang trọng thuộc địa thế kỷ 19 cho đến những tòa nhà cao tầng những năm 70. Hồi giáo vẫn là ảnh hưởng văn hóa chính và vô số lễ hội tôn giáo là những sự kiện lớn đối với người dân Cairo. Ăn mặc kín đáo, ngay cả trong cái nóng gay gắt của mùa hè, và bạn được mong đợi là tuân theo bằng cách che chắn cơ thể ở nơi công cộng.

Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 1? With a population of more than 17 million, Egypt's capital city is one of the most vibrant and complex cities in the world.

A. Rarely is a city as vibrant as Egypt's capital, despite having over 17 million people and such a complicated structure.

B. Because of its global vibrancy and complexity, Egypt's capital city encompasses a population greater than 17 million.

C. Were Egypt's capital not home to over 17 million people, it might not appear so fast-paced and overwhelming.

✓ **D. Egypt's capital, home to over 17 million people, ranks among the world's most dynamic and intricate cities.**

→ **Chọn đáp án đúng:** D. Egypt's capital, home to over 17 million people, ranks among the world's most dynamic and intricate cities.

Kiến thức: Paraphrasing

Câu nào sau đây diễn giải tốt nhất câu được gạch chân ở đoạn 1?

Với dân số hơn 17 triệu người, thủ đô của Ai Cập là một trong những thành phố sôi động và phức tạp nhất trên thế giới.

A. Hiếm có thành phố nào sôi động như thủ đô Ai Cập, dù có hơn 17 triệu người và cấu trúc phức tạp như vậy. => Sai về ngữ nghĩa câu.

B. Do sự sôi động và phức tạp trên toàn cầu, thủ đô của Ai Cập có dân số hơn 17 triệu người. => Sai vì đảo ngược mối quan hệ nhân quả, phải là với dân số hơn 17 triệu người → sôi động và phức tạp.

C. Nếu thủ đô của Ai Cập không phải là nơi sinh sống của hơn 17 triệu người, nó có thể sẽ không có nhịp độ nhanh chóng và choáng ngợp như vậy. => Sai vì dùng câu điều kiện nên không phù hợp về ngữ nghĩa so với câu gốc.

D. Thủ đô của Ai Cập, nơi sinh sống của hơn 17 triệu người, được xếp hạng trong số những thành phố năng động và phức tạp nhất thế giới. => Diễn giải tốt nhất ngữ nghĩa của câu gốc.

→ **Chọn đáp án D**

Câu 32

According to paragraph 1, which is NOT mentioned as a feature of Cairo?

A. The presence of Islamic architecture

B. Tall modern buildings along the River Nile

✓ **C. A clear separation between traditional and westernised areas**

D. A population exceeding 17 million

→ **Chọn đáp án đúng:** C. A clear separation between traditional and westernised areas

Kiến thức: Tìm thông tin không có trong đoạn

Theo đoạn 1, điều nào KHÔNG được đề cập như một đặc điểm của Cairo?

A. Sự hiện diện của kiến trúc Hồi giáo

B. Những tòa nhà cao tầng hiện đại dọc sông Nile

C. Sự tách biệt rõ ràng giữa các khu vực truyền thống và khu vực Tây hoá

D. Dân số hơn 17 triệu người

Thông tin:

+ Skyscrapers and five-star hotels loom over the River Nile, ancient mosques fill even the most westernised neighbourhoods and a millennium of Islamic architecture competes for space with 4,000-year-old Pharaonic monuments. (Các tòa nhà chọc trời và khách sạn năm sao sừng sững trên Sông Nile, các nhà thờ Hồi giáo cổ kính lấp đầy ngay cả những khu phố Tây hoá nhất và một thiên niên kỷ kiến trúc Hồi giáo chen chúc cùng những di tích thời Pharaoh 4.000 năm tuổi.)

→ A và B được đề cập là các đặc điểm của Cairo theo đoạn 1.

+ With a population of more than 17 million, Egypt's capital city is one of the most vibrant and complex cities in the world. (Với dân số hơn 17 triệu người, thủ đô của Ai Cập là một trong những thành phố sôi động và phức tạp nhất trên thế giới.)

→ D được đề cập là một đặc điểm của Cairo theo đoạn 1.

→ C không được đề cập mà ngược lại, thông tin ‘ancient mosques fill even the most westernised neighbourhoods’ cho thấy các khu vực truyền thống và khu vực Tây hoá đan xen vào nhau.

→ **Chọn đáp án C**

Câu 33

The word overpriced in paragraph 2 is OPPOSITE in meaning to _____.

A. expensive

B. valuable

✓ C. affordable

D. incredible

→ **Chọn đáp án đúng: C. affordable**

Kiến thức: Từ vựng trái nghĩa theo ngữ cảnh bài đọc

Từ “**overpriced**” trong đoạn 2 có nghĩa TRÁI NGƯỢC với _____.

A. expensive /ɪk'spensɪv/ (adj): đắt đỏ

B. valuable /'væljuəbl/ (adj): quý giá

C. affordable /ə'fɔ:dəbl/ (adj): giá cả phải chăng

D. incredible /ɪn'kredəbl/ (adj): không thể tin được, đáng kinh ngạc

- overpriced /,əʊvə'praɪst/ (adj): đắt đỏ >< affordable (adj)

Thông tin:

In addition, food must be bought in grocery stores and a few **overpriced** vegetable markets, rather than supermarkets. (Ngoài ra, thực phẩm phải được mua ở các cửa hàng tạp hóa và một vài chợ rau củ đắt đỏ, thay vì là ở siêu thị.)

→ **Chọn đáp án C**

Câu 34

Which of the following best summarises paragraph 3?

✓ A. Cairo's heavy traffic causes pollution, a major drawback for allergies, but the central location has great public transport despite slow, cheap taxis and surprisingly few accidents.

B. Pollution from Cairo's significant traffic is a major issue for allergy sufferers in its central area with good public transport, where cheap taxis are fast, yet accidents are rare.

C. Despite excellent public transport in central Cairo, the heavy traffic leads to pollution, making it uninhabitable; cheap taxis are slow, but accidents are surprisingly few.

D. Cairo's central location's great public transport contrasts with traffic-induced pollution, a problem for all residents, where taxis are cheap and slow, yet accidents are unexpectedly few.

→ **Chọn đáp án đúng: A. Cairo's heavy traffic causes pollution, a major drawback for allergies, but the central location has great public transport despite slow, cheap taxis and surprisingly few accidents.**

Kiến thức: Tóm tắt nội dung đoạn trong bài đọc

Điều nào sau đây tóm tắt tốt nhất đoạn 3?

A. Giao thông đông đúc ở Cairo gây ô nhiễm, một nhược điểm lớn đối với các bệnh dị ứng, nhưng vị trí trung tâm có hệ thống giao thông công cộng tuyệt vời mặc dù taxi thì chậm, giá rẻ và rất ít tai nạn một cách đáng ngạc nhiên. → Tóm tắt tốt nhất ý chính của đoạn 3.

B. Ô nhiễm từ giao thông đông đúc ở Cairo là một vấn đề lớn đối với những người bị dị ứng ở khu vực trung tâm với hệ thống giao thông công cộng tốt, nơi taxi giá rẻ thì nhanh nhưng tai nạn rất hiếm xảy ra. → Sai vì ‘fast’ trái ngược với ‘get bogged down in the heavy traffic’ (bị kẹt cứng trong tình trạng giao thông đông đúc) cho thấy taxi giá rẻ thì ‘chậm’.

C. Mặc dù giao thông công cộng rất tốt ở trung tâm Cairo, mật độ giao thông đông đúc dẫn đến ô nhiễm, khiến nơi đây không thể sinh sống được; taxi giá rẻ thì chậm nhưng tai nạn lại rất ít một cách đáng ngạc nhiên. → Sai vì ‘making it uninhabitable’ không được đề cập trong đoạn 3.

D. Vị trí giao thông công cộng tuyệt vời ở vị trí trung tâm của Cairo trái ngược với tình trạng ô nhiễm do giao thông gây ra, một vấn đề đối với tất cả người dân, nơi taxi rẻ và chậm nhưng tai nạn lại rất ít. → Sai vì ‘a problem for all residents’ là quá rộng, thông tin chỉ nói rằng ‘if you have allergies’.

Tóm tắt:

Giao thông ở Cairo đông đúc gây ô nhiễm, một nhược điểm lớn đối với người bị dị ứng nhưng Cairo vẫn là trung tâm có hệ thống giao thông công cộng tuyệt vời; việc di chuyển mất thời gian, taxi thì rẻ và chậm nhưng có rất ít tai nạn xảy ra.

→ **Chọn đáp án A**

Câu 35

The phrase bogged down in paragraph 3 can be best replaced by _____.

A. broken down

B. kept on

✓ C. held up

D. given in

→ **Chọn đáp án đúng: C. held up**

Kiến thức: Từ vựng đồng nghĩa theo ngữ cảnh bài đọc

Cụm "**bogged down**" ở đoạn 3 có thể được thay thế tốt nhất bằng _____.

A. break down (phr.v): hỏng hóc; suy sụp (cảm xúc); phân hủy; chia nhỏ

B. keep on (phr.v): tiếp tục

C. hold up (phr.v): trì hoãn, làm chậm lại

D. give in (phr.v): nhượng bộ; đầu hàng

- bog down (phr.v): làm cho ai/cái gì bị kẹt, chậm trễ = hold up (phr.v)

Thông tin:

Taxis are cheap and plentiful but get **bogged down** in the heavy traffic. (Taxi thì rẻ và nhiều nhưng dễ bị kẹt cứng trong tình trạng giao thông đông đúc.)

→ **Chọn đáp án C**

Câu 36

The word they in paragraph 3 refers to _____.

A. vehicles

B. collisions

C. journeys

✓ D. drivers

→ **Chọn đáp án đúng: D. drivers**

Kiến thức: Từ quy chiếu

Từ "**they**" trong đoạn 3 ám chỉ đến _____.

A. phương tiện

B. vụ va chạm

C. hành trình

D. tài xế

- Từ "they" trong đoạn 3 ám chỉ đến "drivers".

Thông tin:

Regular Cairo drivers will explain that **they** are experts when it comes to reaching their destination safely. (Các tài xế thông thường ở Cairo sẽ giải thích rằng họ là những chuyên gia trong việc đến đích an toàn.)

→ **Chọn đáp án D**

Câu 37

Which of the following is TRUE according to the passage?

A. Supermarkets are the main places where Cairo residents buy food, especially in westernised areas.

✓ B. Traffic congestion in Cairo causes long travel times even for short distances.

C. Driving in Cairo is dangerous, with accidents happening frequently throughout the city.

D. Expats avoid Islamic Cairo because of its distance from the city centre and lack of transport options.

→ **Chọn đáp án đúng:** B. Traffic congestion in Cairo causes long travel times even for short distances.

Kiến thức: TRUE/ NOT TRUE/ NOT MENTIONED

Điều nào sau đây là ĐÚNG theo bài đọc?

- A. Siêu thị là nơi chính mà người dân Cairo mua thực phẩm, đặc biệt là ở các khu vực Tây hoá.
- B. Tắc nghẽn giao thông ở Cairo khiến thời gian di chuyển dài ngay cả khi đi những quãng đường ngắn.
- C. Lái xe ở Cairo thì nguy hiểm, tai nạn xảy ra thường xuyên khắp thành phố.
- D. Người nước ngoài tránh khu Hồi giáo Cairo vì khoảng cách xa trung tâm thành phố và thiếu các lựa chọn giao thông.

Thông tin:

+ In addition, food must be bought in grocery stores and a few overpriced vegetable markets, rather than supermarkets. (Ngoài ra, thực phẩm phải được mua ở các cửa hàng tạp hóa và một vài chợ rau củ đắt đỏ, thay vì là ở siêu thị.)

→ A sai ở 'the main places' vì thông tin cho thấy 'siêu thị' không phải là nơi chính mà là 'grocery stores and a few overpriced vegetable markets' (các cửa hàng tạp hóa và một vài chợ rau củ đắt đỏ).

+ Unexpectedly, there are relatively few collisions. (Thật bất ngờ là có tương đối ít vụ va chạm.)

→ C sai vì 'dangerous' và 'with accidents happening frequently' trái ngược với thông tin 'there are relatively few collisions' (có tương đối ít vụ va chạm).

+ For expats who want to immerse themselves in an Arabic-speaking world, Islamic Cairo is only a ten-minute drive east of the city centre. (Đối với những người nước ngoài muốn hòa mình vào thế giới nói tiếng Ả Rập, Khu Hồi giáo Cairo chỉ cách trung tâm thành phố mười phút lái xe về phía đông.)

→ D sai vì 'its distance from the city centre' trái ngược với 'only a ten-minute drive east of the city centre' (chỉ cách trung tâm thành phố mười phút lái xe về phía đông) và 'Expats avoid Islamic Cairo' cũng không được đề cập trong bài đọc.

+ Travelling even short journeys can take a long time simply because there are so many vehicles competing for road space. (Việc di chuyển ngay cả những hành trình ngắn cũng có thể mất nhiều thời gian đơn giản vì có quá nhiều phương tiện cạnh tranh không gian đường bộ.)

→ B đúng.

→ **Chọn đáp án B**

Câu 38

Where in the passage does the following sentence best fit? However, central Cairo isn't ideal for kids.

A. (III)

✓ B. (I)

C. (IV)

D. (II)

→ **Chọn đáp án đúng:** B. (I)

Kiến thức: Chèn câu

Câu sau đây phù hợp nhất ở đâu trong bài đọc?

Tuy nhiên, trung tâm Cairo không lý tưởng cho trẻ em.

A. (III)

B. (I)

C. (IV)

D. (II)

Thông tin:

Downtown living has its ups and downs and it is more affordable than many of the more westernised areas of Cairo. However, central Cairo isn't ideal for kids. Good secondary schools are expensive and will involve a lengthy commute. (Cuộc sống ở trung tâm thành phố có những thăng trầm và có chi phí phải chăng hơn nhiều so với các khu vực Tây hoá hơn của Cairo. Tuy nhiên, trung tâm Cairo không lý tưởng cho trẻ em. Các trường trung học tốt thường đắt đỏ và phải mất nhiều thời gian đi lại.)

+ Câu cần điền phù hợp nhất ở vị trí (I) vì câu đề cập đến việc trung tâm Cairo không lý tưởng cho trẻ em nên liên kết với ý của câu liền sau nói về vấn đề trường học đắt đỏ và mất nhiều thời gian đi lại.

→ **Chọn đáp án B**

Câu 39

Which of the following can be inferred from the passage?

- ✓ **A. People moving to Cairo will likely have to adjust their clothing habits to fit cultural expectations.**
- B. Cairo's housing options are limited, though cheap compared to many Western cities, making it liveable.
- C. People in Cairo emphasise celebrating religious festivals to teach younger generations about their roots.
- D. Traffic issues in some parts of Cairo make it unappealing to expats who intend to settle down there.

→ **Chọn đáp án đúng:** A. People moving to Cairo will likely have to adjust their clothing habits to fit cultural expectations.

Kiến thức: Suy luận

Điều nào sau đây có thể được suy ra từ bài đọc?

- A. Những người chuyển đến Cairo có thể sẽ phải điều chỉnh thói quen ăn mặc của họ để phù hợp với những kỳ vọng về văn hóa.
- B. Các lựa chọn nhà ở ở Cairo còn hạn chế, mặc dù giá rẻ so với nhiều thành phố phương Tây, khiến nơi đây trở nên đáng sống.
- C. Người dân ở Cairo nhấn mạnh việc tổ chức các lễ hội tôn giáo để dạy cho thế hệ trẻ về nguồn gốc của họ.
- D. Vấn đề giao thông ở một số khu vực của Cairo khiến nó không hấp dẫn đối với những người nước ngoài có ý định định cư ở đó.

Thông tin:

+ For those who decide to relocate here, accommodation is easy to find and cheap by western standards, ranging from nineteenth-century colonial opulence to seventies tower blocks. (Đối với những người quyết định chuyển đến đây, chỗ ở rất dễ tìm và rẻ theo tiêu chuẩn phương Tây, từ sự sang trọng thuộc địa thế kỷ 19 cho đến những tòa nhà cao tầng những năm 70.)

→ B sai vì 'limited' trái ngược với thông tin rằng 'accommodation is easy to find' (chỗ ở rất dễ tìm).

+ Islam remains the main cultural influence and the numerous religious festivals are major events for Cairo residents. (Hồi giáo vẫn là ảnh hưởng văn hóa chính và vô số lễ hội tôn giáo là những sự kiện lớn đối với người dân Cairo.)

→ C không thể suy ra vì thông tin chỉ đề cập 'lễ hội tôn giáo là những sự kiện lớn đối với người dân Cairo', không nói về mục đích của việc tổ chức là 'to teach younger generations about their roots'.

+ The traffic, and therefore pollution, in this area is a major drawback: don't live here if you have allergies. (Giao thông, và do đó là ô nhiễm, ở khu vực này là một nhược điểm lớn: đừng sống ở đây nếu bạn bị dị ứng.)

+ Travelling even short journeys can take a long time simply because there are so many vehicles competing for road space. (Việc di chuyển ngay cả những hành trình ngắn cũng có thể mất nhiều thời gian đơn giản vì có quá nhiều phương tiện cạnh tranh không gian đường bộ.)

→ D không thể suy ra vì thông tin chỉ nói giao thông là nhược điểm nhưng không nói 'make it unappealing to expats who intend to settle down there'.

+ Dress is modest, even in the blistering summer heat, and you will be expected to follow suit by covering up in public. (Việc ăn mặc kín đáo, ngay cả trong cái nóng gay gắt của mùa hè, và bạn được mong đợi là tuân theo bằng cách che chắn cơ thể ở nơi công cộng.)

→ A có thể được suy ra từ bài đọc.

→ **Chọn đáp án A**

Câu 40

Which of the following best summarises the passage?

- A. With a huge population and a mix of ancient and modern architecture, Cairo presents a daunting experience, where downtown is cheaper but has school and shopping limitations, while traffic and pollution are major issues.

B. Cairo, a dynamic city of contrasts from ancient monuments to skyscrapers, provides affordable downtown options with transport links, though schooling and shopping can be difficult, while cultural traditions are significant.

✓ **C. Cairo is a large, vibrant city with rich architecture, modest culture, heavy traffic, and affordable housing, though daily life has its challenges, like school access, modest dress, and congested roads.**

D. Life in Cairo is modern and efficient, with fast transport, affordable education, and cultural freedom that allows residents to dress casually and travel easily across its busy but accessible roads.

➔ **Chọn đáp án đúng:** C. Cairo is a large, vibrant city with rich architecture, modest culture, heavy traffic, and affordable housing, though daily life has its challenges, like school access, modest dress, and congested roads.

Kiến thức: Tóm tắt bài đọc

Điều nào sau đây tóm tắt tốt nhất bài đọc?

A. Với dân số lớn và sự kết hợp giữa kiến trúc cổ xưa và hiện đại, Cairo mang đến một trải nghiệm đáng sợ, nơi trung tâm thành phố rẻ hơn nhưng có những hạn chế về trường học và mua sắm, trong khi giao thông và ô nhiễm là những vấn đề lớn. → Sai vì chưa nhắc đến yếu tố văn hoá ăn mặc kín đáo trong đoạn cuối.

B. Cairo, một thành phố năng động có sự tương phản giữa các di tích cổ kính với các tòa nhà chọc trời, cung cấp các lựa chọn hợp lý ở trung tâm thành phố với các kết nối giao thông, mặc dù việc học tập và mua sắm có thể gặp khó khăn trong khi các truyền thống văn hóa thì rất quan trọng. → Sai vì chưa làm rõ việc giao thông đông đúc gây tắc nghẽn và chậm chạp mà ‘transport links’ quá chung chung.

C. Cairo là một thành phố lớn, sôi động với kiến trúc phong phú, văn hóa kín đáo, giao thông đông đúc và nhà ở giá cả phải chăng, mặc dù cuộc sống hàng ngày có những thách thức như việc tiếp cận trường học, trang phục kín đáo và đường sá tắc nghẽn. → Tóm tắt tốt nhất ý chính của bài đọc.

D. Cuộc sống ở Cairo hiện đại và hiệu quả, với giao thông nhanh, giáo dục giá cả phải chăng và sự tự do văn hóa cho phép người dân ăn mặc thoải mái và đi lại dễ dàng trên những con đường đông đúc nhưng dễ tiếp cận. → Sai vì ‘fast transport’, ‘affordable education’, ‘dress casually’ trái ngược với các thông tin như ‘giao thông đông đúc, chậm chạp’, ‘trường học đắt đỏ’, ‘phải ăn mặc kín đáo’.

Tóm tắt:

Cairo là một thành phố lớn, năng động có sự kết hợp giữa kiến trúc cổ xưa và hiện đại, nhà ở giá cả phải chăng, giao thông đông đúc, văn hoá ăn mặc kín đáo đồng thời có một số thách thức như trường học đắt đỏ và mất nhiều thời gian đi lại, thực phẩm đắt đỏ, giao thông đông đúc dẫn đến tắc nghẽn và chậm chạp cũng như buộc phải ăn mặc kín đáo dù thời tiết như thế nào.

→ **Chọn đáp án C**

Tổng hợp đáp án

Câu	Đáp án đúng
1	C. raising
2	B. Many
3	B. taken
4	D. to
5	B. got away with
6	C. assess
7	D. which

8	A. realistic weekly schedule
9	A. confidence
10	D. range
11	B. instead
12	A. motivated
13	B. c – a – e – b – d
14	D. b – c – a
15	C. d – b – e – a – c
16	D. b – d – a – c – e
17	C. e – b – a – d – c
18	C. But fossil fuels are not the only sources of energy
19	B. that includes a wide variety of fuels obtained from biomass
20	A. we can use it now without affecting the supply in the future
21	C. are making renewable energy sources more and more attractive
22	B. It is estimated that 16% of all energy now comes from renewable resources
23	A. similarity
24	B. It has 5 rooms.
25	B. humans
26	A. He not only used recycled plastic to build the boat but also made sure it was good for the environment and easy to use.
27	C. energy
28	C. David de Rothschild built the Plastiki to raise awareness about plastic pollution in the oceans.
29	D. Paragraph 4
30	B. Paragraph 2
31	D. Egypt's capital, home to over 17 million people, ranks among the world's most dynamic and intricate cities.
32	C. A clear separation between traditional and westernised areas
33	C. affordable

34	A. Cairo's heavy traffic causes pollution, a major drawback for allergies, but the central location has great public transport despite slow, cheap taxis and surprisingly few accidents.
35	C. held up
36	D. drivers
37	B. Traffic congestion in Cairo causes long travel times even for short distances.
38	B. (I)
39	A. People moving to Cairo will likely have to adjust their clothing habits to fit cultural expectations.
40	C. Cairo is a large, vibrant city with rich architecture, modest culture, heavy traffic, and affordable housing, though daily life has its challenges, like school access, modest dress, and congested roads.